

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VINH BẢO
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

Bản án số: 35/2020/HNGĐ-ST

Ngày 06-7-2020

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh Phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VB, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thương Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Tâm

Ông Nguyễn Văn Quyết

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Ly Ly - Thư ký Toà án nhân dân huyện VB, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Bảo tham gia phiên tòa:
Ông Bùi Văn Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện VB, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 107/2020/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2020 về ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2020/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N; nơi cư trú: Thôn Z, xã VT, huyện VB, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- Bị đơn: Anh Lê Ngọc T; nơi cư trú: Thôn Z, xã VT, huyện VB, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày: Chị và anh Lê Ngọc T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã LP, huyện TL, tỉnh Hà Nam vào ngày ngày 29-10-2010. Quá trình chung sống, anh chị hoà thuận thời gian đầu và có hai con chung. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ đầu năm 2019 do anh T chơi cờ bạc, không quan

tâm trách nhiệm đến gia đình, mặt khác anh luôn nghi ngờ chị về tình cảm, nên vợ chồng đã xảy ra xô sát, bất hòa. Từ tháng 10 năm 2019 đến nay vợ chồng anh chị sống ly thân, mỗi người ở một nơi, không quan tâm đến nhau. Nay chị N xác định tình nghĩa vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể hàn gắn được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Ngọc T.

Về con chung: Chị và anh Lê Ngọc T có 02 con chung là Lê Việt A, sinh ngày 02-9-2011 và Lê Huy K, sinh ngày 24-5-2015 hiện đang ở với anh T. Khi ly hôn, chị đề nghị Tòa án giao con Lê Huy K cho chị nuôi dưỡng, giao con Lê Việt A cho anh T nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng nuôi con chị xin tự giải quyết với anh T.

Về tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, các văn bản khác và trong quá trình giải quyết vụ án, anh Lê Ngọc T xác nhận về điều kiện hoàn cảnh kết hôn như chị Nguyễn Thị N trình bày là đúng. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hòa thuận đến đầu năm 2019 thì xảy ra mâu thuẫn do chị N có quan hệ tình cảm với người khác. Anh khuyên bảo nhưng chị N không tiếp thu, nên anh có chơi bời, nợ lẩn. Từ tháng 10-2019 đến nay chị Nguyễn Thị N đã bỏ nhà đi, không quan tâm chăm lo đến gia đình. Anh đã tìm chị N nhưng chị không trở về đoàn tụ gia đình. Vợ chồng anh chị sống ly thân từ tháng 10/2019 đến nay, mỗi người ở một nơi, không quan tâm đến nhau. Nay chị Nguyễn Thị N xin ly hôn, anh không đồng ý.

Về con chung: Anh và chị Nguyễn Thị N có 02 con chung là Lê Việt A, sinh ngày 02-9-2011 và Lê Huy K, sinh ngày 24-5-2015 hiện đang ở với anh. Khi ly hôn, anh đề nghị Tòa án giao cả 02 con chung cho anh trực tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con anh xin tự giải quyết với chị Nguyễn Thị N.

Về tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng đồng thời phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về: Thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách của những người tham gia tố tụng; thu thập chứng cứ, việc xét xử vắng mặt bị đơn và các hoạt động tố tụng khác. Các đương sự đã chấp hành yêu cầu của Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án như việc giao nộp chứng cứ. Nguyên đơn tham gia đầy đủ phiên họp, phiên hòa giải theo quy định của pháp luật. Bị đơn không tham gia đầy đủ các phiên họp, phiên hòa giải, tại phiên tòa bị đơn

vắng mặt không có lý do. Tuy nhiên, việc bị đơn vi phạm quyền và nghĩa vụ tố tụng không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án.

Về nội dung vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình: Xử cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn với anh Lê Ngọc T. Về con chung: Giao con Lê Huy K, sinh ngày 24-5-2015 cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, giao con Lê Việt A, sinh ngày 02-9-2011 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con anh chị tự giải quyết nên không xem xét giải quyết. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị N và anh Lê Ngọc T không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Anh Lê Ngọc T có hộ khẩu thường trú tại thôn Z, xã VT, huyện VB, thành phố Hải Phòng. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án ly hôn giữa chị Nguyễn Thị N và anh Lê Ngọc T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện VB, thành phố Hải Phòng.

[2] Bị đơn anh Lê Ngọc T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 để tham gia phiên tòa, tuy nhiên, anh T vẫn vắng mặt không vì lý do bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Lê Ngọc T.

- Về nội dung vụ án:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Lê Ngọc T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã LP, huyện TL, tỉnh Hà Nam vào ngày 29-10-2010, là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng anh chị hoà thuận đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tính cách không hòa hợp, vợ chồng hiểu lầm nhau về tình cảm nên đã xảy ra bất hòa. Từ tháng 10/2019 đến nay, anh chị sống ly thân mỗi người ở một nơi, không quan tâm đến nhau. Nay chị N xác nhận tình nghĩa vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể hàn gắn được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T. Quá trình giải quyết vụ án, anh T không đồng ý ly hôn với chị N. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị N và anh Lê Ngọc T đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu

của chị Nguyễn Thị N xin ly hôn với anh Lê Ngọc T phù hợp với khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình được chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị Nguyễn Thị N và anh Lê Ngọc T có hai con chung là Lê Việt A, sinh ngày 02-9-2011 và Lê Huy K, sinh ngày 24-5-2015 hiện nay đang ở với anh T. Khi ly hôn, chị N nhận nuôi con Lê Huy K, đề nghị Tòa án giao con Lê Việt A cho anh T nuôi dưỡng, anh T đề nghị được nuôi dưỡng cả hai con chung. Xét yêu cầu nuôi con của anh chị, Hội đồng xét xử nhận định: Anh T và chị N đều có nơi ở và thu nhập, tuy nhiên do con chung Lê Việt A trên 07 tuổi có nguyện vọng xin được ở với anh T, con chung Lê Huy K còn nhỏ cần sự chăm sóc của người mẹ. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung, cần chấp nhận yêu cầu của chị N, giao con Lê Huy K, sinh ngày 24-5-2015 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, giao con Lê Việt A, sinh ngày 02-9-2011 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Việc cấp dưỡng nuôi con chị N và anh T xin tự giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị N và anh Lê Ngọc T không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 6 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Nguyễn Thị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ khoản 1 Điều 6 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn với anh Lê Ngọc T.
2. Về con chung: Giao con chung Lê Huy K, sinh ngày 24-5-2015 cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung Lê Việt A, sinh ngày 02-9-2011 cho anh Lê Ngọc T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự

thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con chị Nguyễn Thị N và anh Lê Ngọc T tự giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị N và anh Lê Ngọc T không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Chị N đã nộp tạm ứng 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Bảo theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008076 ngày 21-4-2020. Chị Nguyễn Thị N đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Vĩnh Bảo;
- VKSND thành phố Hải Phòng
- TAND thành phố Hải Phòng;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Bảo;
- UBND xã LP
- huyện TL, tỉnh Hà Nam;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thương Huyền